| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỎ CÀY BẮC**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/02/2023
*V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Minh Trung.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Bùi Văn Mưa Lớn;
2. Ông Phan Thành Phước.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 272/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** chị Võ Huỳnh Châu L, sinh năm: 1999;
Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.
Địa chỉ liên lạc: ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

***2. Bị đơn:*** anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc P, sinh năm: 1978;

2. Ông Võ Văn T1, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Bà P, ông T1 yêu cầu giải quyết vắng mặt; các đương sự khác có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 9 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Huỳnh Châu L trình bày:*

Năm 2017, chị L và anh N kết hôn, hôn nhân là do tự tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Vợ chồng chị đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc được 04 năm đầu, khoảng 01 năm gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Ngoài ra, thời gian gần đây chị phát hiện anh N có người khác bên ngoài. Một phần anh N không lo làm ăn, không có công việc ổn định không đảm bảo kinh tế gia đình. Chị L, anh N ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Hiện tại, chị L và con chị đang sống ở nhà mẹ ruột, còn anh N sống ở nhà ba mẹ anh N. Trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, không ai biết đến ai. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa nhưng không khuyên nhủ, hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh chị cũng đã tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay, chị L xác định không còn tình cảm với anh N; không thể tiếp tục chung sống, duy trì hôn nhân với anh N được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T2, sinh ngày 17/02/2018 và Nguyễn Đức N1, sinh ngày 23/02/2022. Hiện 02 con chung đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N1, cháu T2; không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Từ trước đến nay 02 con chung sống với chị ổn định, đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu.

Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

*Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh N trình bày:*

Những thông tin về hôn nhân của anh chị, chị L trình bày trên đây là đúng. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do chị L có chồng nhưng hay về nhà mẹ ruột ở, một tháng thì về nhà mẹ ruột ở khoảng 20 ngày. Chị L cho rằng anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài là không đúng, chỉ là bạn bè nhắn tin qua lại chứ không phải quan hệ nam nữ yêu đương. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên biết vợ chồng anh bất hòa và đã khuyên nhủ, hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh chị không tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn. Anh N, chị L ly thân khoảng 05 tháng nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, không ai biết đến ai. Nay, anh không còn tình cảm với chị L nên đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T2, sinh ngày 17/02/2018 và Nguyễn Đức N1, sinh ngày 23/02/2022. Hiện con chung đang sống với chị L. Anh N không đồng ý cho chị L tiếp tục nuôi 02 con chung vì hiện nay chị L đi làm ở siêu thị, tính chất công việc đi sớm về muộn không lo cho các con được. Anh N yêu cầu được nuôi 02 con chung; không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Từ khi các

con sống với chị L các cháu thường hay bệnh nhưng anh không có chứng cứ chứng minh.

Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn.

*Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc P và ông Võ Văn T1 trình bày:*

Bà P, ông T1 là mẹ của chị L. Chị L, anh N là vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T2, sinh ngày 17/02/2018 và Nguyễn Đức N1, sinh ngày 23/02/2022. Trước đây, vợ chồng chị L sống chung với gia đình chồng. Cách nay khoảng 01 năm chị L, anh N ra ở riêng đến nay tình cảm gia đình của chị L rạn nứt. Nguyên nhân do chị L phát hiện anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Sau đó chị L và 02 con của chị L, anh N về sống chung với ông bà đến nay. Anh N không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con cũng không phụ chị L lo cho con nên chị L thường hay gửi con về nhà ngoại giữ. Từ trước đến nay ông bà hỗ trợ chị L để nuôi dưỡng 02 cháu con chị L, anh N. Nay, chị L xin ly hôn, để các cháu ổn định cuộc sống, ông bà không đồng ý cho anh N nuôi con. Bà P, ông T1 yêu cầu Tòa án cho chị L được tiếp tục nuôi cháu T2 và cháu N1, ông bà sẽ hỗ trợ chị L để chăm sóc, nuôi dạy các cháu thật tốt.

Vì lý do bận việc gia đình, bà P, ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không có khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Việc anh N cho rằng tính chất công việc chị L là đi sớm về muộn là không đúng. Cụ thể: cứ một tuần có 03 ngày chị L làm việc theo ca từ 08 giờ sáng đến 05 giờ chiều, sau đó chị về lo cho con. 03 ngày làm đầy đủ là từ 08 giờ sáng đến 10 giờ tối sau đó chị được nghỉ một ngày. Những ngày làm đầy đủ thì khoảng thời gian từ 05 giờ chiều đến 10 giờ tối ông bà ngoại của các cháu ở nhà lo cho các cháu đến khi chị tan ca. Chị L đã làm công việc này hơn 03 tháng nay đã ổn định. Công việc và chăm sóc cho các con chị đã sắp xếp ổn thỏa không ảnh hưởng đến các cháu. Ngoài ra, anh N cho rằng các con chị hay bị bệnh là do các cháu còn nhỏ đề kháng của các bé chưa hoàn thiện, mùa này mùa lạnh, trở trời bị sổ mũi, ho chứ không phải không lo cho các cháu chu đáo.

Anh N yêu cầu được nuôi con. Nếu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con anh sẽ thuê người chăm sóc.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị:*

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên toà Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn của chị Võ Huỳnh Châu L với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T2, sinh ngày 17/02/2018 và Nguyễn Đức N1, sinh ngày 23/02/2022. Sau khi ly hôn, chị L trực tiếp nuôi con chung. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 19/9/2022, chị Võ Huỳnh Châu L khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc P và ông Võ Văn T1 yêu cầu giải quyết vắng mặt, phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị L:*

Chị L, anh N tự nguyện kết hôn vào năm 2018 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/3/2018. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc được 04 năm đầu đến khoảng 01 năm gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Ngoài ra, thời gian gần đây chị phát hiện anh N có người khác bên ngoài. Một phần anh N không lo làm ăn, không có công việc ổn định không đảm bảo kinh tế gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị L, anh N đã tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên biết anh chị bất hòa nhưng không tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị L, anh N ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị L xác định không còn tình cảm nên xin ly hôn với anh N. Đối với yêu cầu của chị L, anh Na đồng ý điều này thể hiện cả hai không ai còn mong muốn gắn bó với nhau, tiếp tục duy trì hôn nhân này. Từ các căn cứ nêu

trên có cơ sở khẳng định, tình trạng của vợ chồng chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh N, chị L có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T2, sinh ngày 17/02/2018 và Nguyễn Đức N1, sinh ngày 23/02/2022. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Đối với yêu cầu này của chị L, anh N không đồng ý vì cho rằng chị L chăm sóc con chung không chu đáo; điều kiện kinh tế của chị L không đảm bảo để nuôi con. Xét thấy, anh N cho rằng chị L và ba mẹ chị L chăm sóc các con của anh chị không chu đáo nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại biên bản xác minh ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, thể hiện: trong thời gian chị L và các con chị L về nhà ông T1, bà P sinh sống (thời gian vợ chồng chị L ly thân), chị L và cha mẹ chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 và cháu N1. Tại địa phương không nghe thông tin gì về việc chị L và ba mẹ chị L không quan tâm hay chăm sóc các cháu không chu đáo. Bà P, ông T1 thương và lo lắng, chăm sóc 02 con của chị L rất tốt, kể cả khi ốm đau. Mặt khác, cháu T2 và N1 từ trước đến nay sống với chị L, cuộc sống đã ổn định không nên thay đổi người nuôi con làm xáo trộn cuộc sống của các cháu nên cần giao cháu T2 và N1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên ghi nhận. Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết chị L có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị L và anh N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L, anh N không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[6] Về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Huỳnh Châu L xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn N;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Võ Huỳnh Châu L với anh Nguyễn Văn N.

* Về nuôi con chung: giao con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T2, sinh ngày 17/02/2018 và Nguyễn Đức N1, sinh ngày 23/02/2022 cho chị Võ Huỳnh Châu L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Võ Huỳnh Châu L không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung và nợ chung: chị L, anh N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Võ Huỳnh Châu L và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

**2**. Về án phí: chị Võ Huỳnh Châu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000561 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***(Đã ký)***

**Lê Thị Minh Trung**